

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

**ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP (LPLF)**

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	7
CHƯƠNG I	10
QUY ĐỊNH CHUNG	10
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ.....	10
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	10
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	10
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	10
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ	10
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ.....	11
Điều 7. Ngân hàng Giám sát.....	11
CHƯƠNG II.....	12
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	12
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	12
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	12
Điều 10. Hạn chế đầu tư	13
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ.....	14
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	14
CHƯƠNG III.....	15
NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ	15
VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	15
Điều 13. Nhà Đầu tư.....	15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư.....	15
Điều 15. Số Đăng ký Nhà Đầu tư.....	16
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	17
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở.....	18
Điều 18. Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ	20
Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ.....	20
CHƯƠNG IV.....	21
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	21
Điều 20. Đại hội Nhà Đầu tư.....	21
Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường.....	21
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà Đầu tư.....	22
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư.....	22
Điều 24. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	22
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư	23
CHƯƠNG V.....	25
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	25
Điều 26. Ban Đại diện Quỹ	25
Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	25
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ.....	26
Điều 29. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	27
Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	27
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ	27
Điều 32. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.....	28
CHƯƠNG VI.....	29
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	29

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	29
Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:	29
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ	29
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ	29
Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ	30
CHƯƠNG VII	32
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	32
Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát	32
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	32
Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát	33
Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát	34
CHƯƠNG VIII	35
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	35
Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền	35
Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	35
Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	35
Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	36
Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	36
CHƯƠNG IX	38
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH	38
Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ	38
Điều 47. Hoạt động của Đại lý Phân phối	38
Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ	39
CHƯƠNG X	41
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	41
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	41
Điều 50. Năm Tài chính	41
Điều 51. Chế độ kế toán	41
Điều 52. Báo cáo tài chính	41
Điều 53. Báo cáo khác	41
CHƯƠNG XI	42
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	42
Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	42
Điều 55. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	43
Điều 56. Quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	43
Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ	43
Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	44
CHƯƠNG XII	45
THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 59. Thu nhập của Quỹ	45
Điều 60. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận	45
CHƯƠNG XIII	46
GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	46
Điều 61. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả	46
Điều 62. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả	47
Điều 63. Các chi phí hoạt động khác của Quỹ	49
CHƯƠNG XIV	50
TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ	50
Điều 64. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập	50
Điều 65. Các điều kiện tách quỹ	50

Điều 66. Các điều kiện giải thể Quỹ.....	50
CHƯƠNG XV	51
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	51
Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.....	51
CHƯƠNG XVI.....	52
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	52
Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư.....	52
Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	52
Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành.....	52
PHỤ LỤC 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	i
PHỤ LỤC 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	ii
PHỤ LỤC 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	iii

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021;
2. Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và có hiệu lực ngày 01/01/2025;
3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
4. Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 17/06/2025;
5. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
6. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/9/2025;
7. Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
8. Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
9. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực ngày 09/01/2026;
10. Thông tư 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực ngày 10/01/2025;
11. Thông tư 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực ngày 31/12/2020;
12. Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực ngày 09/01/2026;
13. Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi theo Thông tư 68/2024/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 09/01/2026;
14. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
15. Thông tư 88/2025/TT-BTC ngày 03/9/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 20/10/2025;
16. Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

17. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
18. Các văn bản luật khác có liên quan, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của những quy định nói trên.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà Đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng Internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư” hay “Chứng chỉ Quỹ”	Là loại chứng khoán do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB đại diện Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
“Công ty Quản lý Quỹ” hay “LPBA”	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (“LPBA”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh được thay đổi tại từng thời điểm. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB được Nhà Đầu tư ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Công ty Kiểm toán”	Là một Công ty Kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
“Dịch vụ Quản trị Quỹ”	Là dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none">- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;- Lập các báo cáo tài chính Quỹ, báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của pháp luật; phối hợp, hỗ trợ Khách hàng cung cấp hồ sơ, chứng từ cho tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;- Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
“Đại hội Nhà Đầu tư”	Là Đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Đại lý Chuyển nhượng”	Là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ. Phạm vi hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Đại lý Chuyển nhượng được quy định tại Điều 41, 42, 43 của Điều lệ Quỹ.
“Đại lý Phân phối”	Là tổ chức đã ký Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ.
“Đại lý Ký danh”	Là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư tại sổ phụ.
“Điểm nhận lệnh”	Là trụ sở chính của Đại lý Phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý Phân phối được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.

<p>“Điều lệ Quỹ” hay “Điều lệ”</p>	<p>Là Điều lệ Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP, bao gồm Điều Lệ này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ dự thảo và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.</p>
<p>“Đơn vị Quỹ”</p>	<p>Là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.</p>
<p>“Giá Phát hành” hay “Giá Bán”</p>	<p>Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá Dịch vụ Phát hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.</p>
<p>“Giá Mua lại”</p>	<p>Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại”</p>	<p>Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch, được quy định tại Điều 61 Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ”</p>	<p>Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều 62 Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Giá Dịch vụ Chuyển đổi”</p>	<p>Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi chuyển đổi từ các Chứng chỉ Quỹ mở do cùng một Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển đổi.</p>
<p>“Giá Dịch vụ Chuyển nhượng”</p>	<p>Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi tiến hành chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế vv...). Giá Dịch vụ Chuyển nhượng được tính theo từng lần phát sinh giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển nhượng phi thương mại.</p>
<p>“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ” hay “NAV”</p>	<p>Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ xác định tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá.</p>
<p>“Hợp đồng Giám sát”</p>	<p>Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP.</p>
<p>“Năm Tài chính”</p>	<p>Là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p>
<p>“Ngày Định giá”</p>	<p>Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.</p>
<p>“Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ” hay “Ngày Giao dịch”</p>	<p>Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại và chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều 16 Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Ngân hàng Giám sát”</p>	<p>Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024 và Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHDLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy chứng nhận Thành Viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp</p>

	<p>ngày 07/7/2006, cung cấp các dịch vụ (1) Bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (2) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.</p>
<p>“Nhà Đầu tư” “Quỹ” hay “Quỹ LPLF”</p>	<p>Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 38 Điều lệ này. Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ. Là Quỹ Đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP, một quỹ đầu tư đại chúng dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư” “Thời điểm Đóng Sổ lệnh”</p>	<p>Là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà Đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Thời điểm Đóng Sổ lệnh là 14h30 giờ ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trong đó ngày giao dịch theo quy định của thị trường chứng khoán Việt Nam.</p>
<p>“UBCKNN” “Vốn Điều lệ”</p>	<p>Trong trường hợp Thời điểm Đóng Sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và Thời điểm Đóng Sổ lệnh một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc bằng thư điện tử. Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và Điều Lệ này.</p>
<p>“HSX” “HNX” “Các định nghĩa khác”</p>	<p>Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.</p>



CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU LP
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: LP MARKET LEADERS INVESTMENT FUND
3. Tên viết tắt: LPLF
4. Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5. Điện thoại: 0243.212.1616
6. Website: www.lpbam.com.vn
7. Email: contact@lpbam.com.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. LPLF là quỹ đại chúng dạng mở và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021, hệ thống pháp luật hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này;
2. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ LPLF là Đại hội Nhà Đầu tư;
3. Ban Đại diện Quỹ là cơ quan đại diện cho lợi ích của Nhà Đầu tư, do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và thực hiện các quyền hạn khác theo Điều lệ Quỹ, quy định của pháp luật; Công ty Quản lý Quỹ LPB được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ LPLF.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ Quỹ:
 - 1.1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là: 50.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 5.000.000 (bằng chữ: năm triệu) Đơn vị Quỹ.
 - 1.2. Vốn Điều lệ của Quỹ do các Nhà Đầu tư đóng góp bằng tiền đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
2. Đơn vị Quỹ:
 - 2.1. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ (Bằng chữ: mười nghìn đồng).
 - 2.2. Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.
 - 2.3. Quỹ không bị giới hạn số lượng Đơn vị Quỹ được phép lưu hành tối đa trừ khi Đại hội Nhà Đầu tư có quyết định khác. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ LPLF chỉ định Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ LPLF ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ LPB.
2. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 48/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/09/2025.
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103401797 cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 12 ngày 14/10/2025 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội.
4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
5. Điện thoại: 0243 212 1616

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát: Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024
3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/05/2003; Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do VSD cấp ngày 07/07/2006
4. Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
5. Điện thoại: 024 39343 137 Fax: 024 38265 548

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vị thế đầu ngành, có nền tảng tài chính vững chắc, năng lực cạnh tranh bền vững và tiềm năng tăng trưởng cao, được hưởng lợi từ chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là lựa chọn có chọn lọc các cổ phiếu của các doanh nghiệp đại diện cho những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam xét theo quy mô, hiệu quả hoạt động, vị thế thương hiệu và khả năng tăng trưởng. Quỹ ưu tiên các ngành có động lực phát triển mạnh mẽ và hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tiêu dùng dài hạn, đô thị hóa, tăng trưởng thu nhập và các chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

Danh mục đầu tư của Quỹ được quản lý chủ động, dựa trên phân tích cơ bản chuyên sâu và đánh giá định giá hợp lý. Quỹ chú trọng đến yếu tố quản trị doanh nghiệp, minh bạch tài chính và khả năng tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Đồng thời, Quỹ sẽ linh hoạt điều chỉnh tỷ lệ phân bổ giữa cổ phiếu và tiền mặt nắm giữ để kiểm soát rủi ro trong các giai đoạn thị trường biến động.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quỹ không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, linh hoạt lựa chọn các ngành nghề tiềm năng phụ thuộc vào xu hướng và tình hình cụ thể của thị trường, các kết quả phân tích và đánh giá của đội ngũ đầu tư.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

3.1 Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

3.2 Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật có liên quan;

3.3 Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

3.4 Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, Chứng chỉ Quỹ đại chúng, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

3.5 Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

3.6 Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;

3.7 Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm 3.1, 3.2, Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản theo quy định tại điểm 3.5, Khoản 3 Điều này phải đáp ứng điều kiện sau:

5.1 Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.

5.2 Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Hạn chế đầu tư của Quỹ
 - 1.1. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 3.1, 3.2 khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
 - 1.2. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - 1.3. Không được đầu tư vào quá 20% tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm 3.1, 3.2, Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - 1.4. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 3.1, 3.2, 3.4, 3.5 và 3.6 khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó giá trị chứng khoán phái sinh quy định tại điểm 3.6 khoản 3 Điều 9 Điều lệ này là giá trị cam kết của hợp đồng;
 - 1.5. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 3.5 khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
 - 1.6. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm 3.2, 3.4, 3.5, 3.7 khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - 1.7. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - 1.8. Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;
 - 1.9. Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - 1.10. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - 1.11. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.
2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6 và 1.9 Khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - 2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
 - 2.3. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - 2.4. Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
 - 2.5. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh các sai lệch do các nguyên nhân quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Khoản

98
Đ
P
N
L
P
EM

2 Điều này. Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Đồng thời, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

4. Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - 5.1 Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - 5.2 Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
 - 5.3 Quỹ không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam xác nhận;
 - 5.4 Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày;
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán;
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra các phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 Điều lệ này, các quy định khác tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
2. Các phương pháp đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các phương pháp sau:
 - Áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-down) thông qua phân tích từ vĩ mô tổng quan nền kinh tế, đến phân tích xu hướng phát triển các ngành, từ đó chọn lọc những ngành nghề có nhiều cơ hội phát triển, những doanh nghiệp hàng đầu về tiềm năng tăng trưởng.
 - Sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (Bottom-up) làm nguyên tắc chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững và rủi ro của từng khoản đầu tư để quyết định đầu tư. Sau đó, Quỹ áp dụng phương pháp kiểm chứng chéo (Cross-Validation) nhằm đánh giá và thẩm định chi tiết để lựa chọn ra các cổ phiếu tốt.

CHƯƠNG III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ
VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu Chứng chỉ Quỹ LPLF. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 1.1. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
 - 1.2. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
 - 1.3. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
 - 1.4. Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - 1.5. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - 1.6. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - 1.7. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - 1.8. Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - 1.9. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - 1.10. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - 1.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
2. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - 2.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - 2.2. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - b) Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- 2.3. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;
- 2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- 2.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
3. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát.

Điều 15. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính (sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - 2.2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ do Quỹ phát hành;
 - 2.3. Đối với Nhà Đầu tư:
 - a) Cá nhân: Họ tên, số Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc; số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có); số tài khoản, hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
 - b) Tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); điện thoại, fax, email (nếu có); thông tin về người đại diện pháp luật và người được ủy quyền (bao gồm thông tin như với Nhà Đầu tư cá nhân nêu trên); Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có), số tài khoản của Nhà Đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
 - 2.4. Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; tổng số vốn góp; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - 2.5. Ngày lập Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư và ngày cập nhật các thông tin thay đổi được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản Ký danh.
4. Thông tin về Nhà Đầu tư tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.
5. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch lần đầu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và được quy định chi tiết tại Điều lệ này và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt;
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:
 - 2.1. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (“Ngày Giao dịch”), ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch và Thời điểm Đóng Sổ lệnh quy định tại Phần II Điều lệ này một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc bằng thư điện tử.
 - 2.2. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo hoạt động giao dịch được tổ chức định kỳ nhưng không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng theo quy định của pháp luật.
3. Phân phối Chứng chỉ Quỹ:

3.1. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư:

- a) Giá trị mua tối thiểu cho các lần mua Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Bản cáo bạch của Quỹ;
- b) Nhà Đầu tư/người được Nhà Đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ, đại lý ký danh tại Ngân hàng Giám sát. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của Nhà Đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư hưởng lợi và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi.
- c) Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

<i>Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối</i>	=	<i>Số tiền đăng ký mua hợp lệ * (1-Giá Dịch vụ Phát hành (%))</i> <i>NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch</i>
-------------------------------------------	---	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

- d) Quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 3.2. Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư:
 - a) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch của Quỹ;
 - b) Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, hoặc các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
 - c) Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

- d) Nhà Đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật.
- e) Việc thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do Nhà Đầu tư chịu.
- f) Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng Đơn vị Quỹ được mua lại} * \text{NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch} * (1 - \text{Giá Dịch vụ Mua lại} (\%))$$
- g) Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
- 3.3. Lệnh chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở:
- Nhà Đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng;
 - Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của quỹ;
 - Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà Đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối.
4. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế vv...)
- 4.1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế vv...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý Phân phối chỉ định;
 - 4.2. Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ;
 - 4.3. Nhà Đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật;
 - 4.4. Việc thanh toán Giá dịch vụ Chuyển nhượng phi thương mại sẽ được quy định tại Bản cáo bạch;
 - 4.5. Nhà Đầu tư/người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
5. Việc đầu tư Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (nếu có áp dụng cho quỹ) được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo Điều lệ này.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% (mười phần trăm) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc
 - 1.2. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới:
 - a) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng; hoặc
 - b) Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc
 - c) Giá trị Tài sản Ròng còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá trị Tài sản Ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc

- d) Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch;
- e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 1.3 Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu tư không thể thực hiện được do:
- a) Tính thanh khoản của thị trường thấp dẫn đến việc Quỹ không thể khớp các lệnh bán chứng khoán để lấy tiền mặt đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư;
- b) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của Sở giao dịch chứng khoán.
2. Đối với trường hợp quy định tại điểm 1.1, khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 (ba mươi) ngày sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
3. Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được quyền áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ:
- 3.1 Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- 3.2 Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * \frac{SLTT}{\sum SLDK_i}$$

Trong đó:

- X_i : số lượng Đơn vị Quỹ thực tế của Nhà Đầu tư i được thực hiện (hay số lượng Đơn vị Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
 - $SLDK_i$: số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà Đầu tư đăng ký bán.
 - $SLTT$: tổng số lượng Đơn vị Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu tư.
 - $\sum SLDK_i$: tổng số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán.
- 3.3 Phần còn lại của các lệnh giao dịch chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà Đầu tư phải đăng ký giao dịch tại các kỳ giao dịch kế tiếp.
- 3.4 Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu tư.
- 3.5 Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.
4. Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- 4.1 Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- 4.2 Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
- 4.3 Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ để thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư khi chuyển đổi hệ thống, chương trình vận hành. Công ty Quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về việc tạm dừng giao dịch, thời gian tạm dừng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trước ít nhất 03 (ba) ngày;
- 4.4 Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu

cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu tư tùy thuộc vào tình hình thực tế nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 18. Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ

1. Giá Phát hành lần đầu ra công chúng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng bằng mệnh giá của Đơn vị Quỹ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành lần đầu.
2. Giá Phát hành một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho các lần tiếp theo là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành (nếu có).
3. Giá Mua lại một đơn vị Chứng chỉ Quỹ là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại (nếu có).
4. Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại được quy định tại Chương XIII của Điều lệ này.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào Liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội Nhà Đầu tư

1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính và phải thông báo UBCKNN.
3. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
4. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
5. Thông báo mời họp và các tài liệu có liên quan phải gửi đến tất cả các Nhà đầu tư trước ngày khai mạc đảm bảo nội dung và thời hạn theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư đã đăng ký thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác tùy theo nhu cầu/khả năng của Công ty Quản lý Quỹ tại từng thời điểm.
6. Chi phí của Đại hội Nhà Đầu tư hàng năm và Đại hội Nhà Đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - 1.2. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
 - 1.3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản gửi tới Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
3. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.
4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, trong thời hạn 30 (ba mươi)

ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua thông qua danh sách các Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) công ty kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính của Quỹ; thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác) theo quy định tại Điều lệ này.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.
3. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì hoặc một người khác do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra sẽ chủ trì nếu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt.
5. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 24. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ (nếu có) được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trừ trường hợp Quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
4. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu tư. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, trình tự lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:
 - 4.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - 4.2 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - 4.3 Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của Nhà Đầu tư cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.
 - 4.4 Công ty Quản lý Quỹ thành lập Ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương Biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư.
 - 4.5 Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi số Nhà Đầu tư đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
 - 5.1 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ;
 - 5.2 Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - 5.3 Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
6. Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.
7. Sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc sau khi kết thúc việc lấy ý kiến bằng văn bản; hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử; hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và cung cấp cho Nhà Đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản

đổi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, trừ trường hợp chi thực hiện được một phần theo quy định tại điều 17 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, mức Giá Mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - 1.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu thành viên Ban Đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
 - 1.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - 1.3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
2. Tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên của Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập theo nguyên tắc thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - 3.1. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - 3.2. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - 3.3. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ này. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại diện Quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp tục quản lý công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ đó.
2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể đồng thời là Thành viên Ban đại diện của các Quỹ khác. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải thông báo với Ban Đại diện Quỹ về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Ban Đại diện Quỹ kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

3. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư tổ chức là thành viên Ban Đại diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà Đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách Thành viên Ban Đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà Đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.
4. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ
 - 4.1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - 4.2. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - 4.3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, pháp luật v.v... và không nhất thiết phải là Nhà Đầu tư của Quỹ.
5. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện Quỹ:
 - 5.1. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
 - 5.2. Là thành viên của trên 05 (năm) Ban Đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - 5.3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư;
2. Phê duyệt Sổ tay định giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm 3.1, 3.2, 3.5, khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ này hoặc đã được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý Quỹ và hoạt động giám sát.
6. Không một thành viên Ban Đại diện Quỹ nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kì hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;
7. Thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;
8. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

9. Có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của Quỹ đại chúng;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - 2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - 2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này .

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một người trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
 - 1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - 1.3. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 1.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - 2.1. Không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 2.2. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - 2.3. Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - 2.4. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của pháp luật hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - 2.5. Không có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;
 - 2.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bỏ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho UBCKNN, gửi danh sách Ban Đại diện Quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại diện Quỹ.
5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành

viên Ban Đại diện Quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban Đại diện Quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

6. Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - 6.1. Số thành viên Ban Đại diện Quỹ bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.
 - 6.2. Số lượng thành viên độc lập Ban Đại diện Quỹ giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ;
 - 6.3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.1, 6.2 Điều này, Đại hội Nhà Đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu 01 (một) quý 01 (một) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Ban Đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban Đại diện Quỹ.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, Internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn, hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu họp Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định cuộc họp Hội đồng quản trị của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên), bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban Đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban Đại diện không đến họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của các thành viên dự họp khác. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Đại diện Quỹ dự họp và đa số thành viên Ban Đại diện Quỹ độc lập thông qua.
6. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký vào Biên bản cuộc họp nhưng nếu tất cả các thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì Biên bản họp này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán nhưng không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của Ban đại diện Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này;

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ:
 - 1.1. Luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu tư, tuân thủ Điều lệ này, pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công ty Quản lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với các tài sản của Quỹ và các tài sản khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
 - 1.2. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài Chính.
 - 1.3. Thực hiện hoạt động quản lý quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ Quỹ và hợp đồng ký với Ngân hàng Giám sát.
 - 1.4. Thực hiện các cam kết của Công ty Quản lý Quỹ như được nêu tại Phụ lục 1. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ này.
 - 1.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:
 - 2.1. Được hưởng các khoản Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ như quy định tại Điều Lệ này phù hợp với quy định pháp luật;
 - 2.2. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được pháp luật cho phép miễn là Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ;
 - 2.3. Tham dự Đại hội Nhà Đầu tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
 - 2.4. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại hội Nhà Đầu tư bầu chọn;
 - 2.5. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này, Bản cáo bạch của Quỹ và pháp luật.
 - 2.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - 1.2. UBCKNN thu hồi Giấy phép hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
 - 1.3. Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
 - 1.4. Quỹ chấm dứt hoạt động;
 - 1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trong trường hợp quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty Quản lý Quỹ phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu 06 (sáu) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm 1.1 Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản chi phí bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Phí này nhằm bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

NAV được sử dụng để tính phí bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay đối với Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng Giám sát và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định khác, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.
3. Công ty Quản lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - 3.1. Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - 3.2. Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở giao dịch chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, khoảng giá dự kiến, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
4. Thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận

- hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
 - 5.1. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - 5.2. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - 5.3. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;
 - 5.4. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - 5.5. Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
 6. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - 6.1. Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - 6.2. Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
 7. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
 8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại;
3. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát
 - 1.1. Luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư Quỹ;
 - 1.2. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
 - 1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
 - 1.4. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ;
 - 1.5. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - 1.6. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - 1.7. Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
 - 1.8. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - 1.9. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
 - 1.10. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
 - 1.11. Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

- 1.12. Đảm bảo duy trì số lượng nhân viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn để cung ứng dịch vụ, duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật đầy đủ theo quy định của pháp luật chứng khoán của Việt Nam;
 - 1.13. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập;
 - 1.14. Ngân hàng Giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
 - 1.15. Không được nhận một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng Giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba;
 - 1.16. Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.
2. Quyền của Ngân hàng Giám sát
 - 2.1. Hưởng các khoản thanh toán phí/giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ này, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - 2.2. Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
 - 2.3. Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật; và
 - 2.4. Các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng Giám sát.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:
 - 1.1. Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - 1.2. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - 1.3. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - 1.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - 1.5. Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ;

- 1.6. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 45, khoản 6, 7 Điều 51, khoản 2 Điều 67 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ;
6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Ngân hàng Giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 điều 60 Luật Chứng khoán;
 - 1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lưu ký, giám sát;
 - 1.3. Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 1.4. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
 - 1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác theo quy định pháp luật.
3. Trường hợp thay đổi Ngân hàng Giám sát, Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng Giám sát thay thế. Ngân hàng Giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng Giám sát có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ.
4. Trường hợp Ngân hàng Giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng Quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:
 - 2.1 Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư:
 - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
 - b) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
 - c) Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.
 - 2.2 Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:
 - a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở;
 - b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
 - c) Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư;
 - d) Tổ chức các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - e) Cung cấp cho Nhà Đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
 - 2.3 Các hoạt động khác (khi phát sinh) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp:
Tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo:
Giữa các Bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mình thực hiện.
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt

báo cáo, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ.
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - 1.2. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản, bị hợp nhất, sáp nhập bởi Tổ chức khác, bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - 1.3. Theo đề nghị của Công ty Quản lý;
 - 1.4. Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu tư;

- 1.5. Quỹ bị giải thể, sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của các tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp Với quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất 01 (một) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở.
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời Điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.
4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.
5. Công ty Quản lý Quỹ được phân phối Chứng chỉ Quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:
 - 1.1 Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;
 - 1.2 Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu theo quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời, phải đảm bảo ghi nhận đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời Điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử khác thì phải tuân thủ lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;
 - 1.3 Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - 1.4 Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông

- tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
- 1.5 Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;
 - 1.6 Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư, cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký giám sát, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - 2.1 Làm Đại lý Ký danh;
 - 2.2 Đồng thời làm Đại lý Phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối.
 3. Đại lý Ký danh chỉ được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các Quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.
5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào, không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các Hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

7. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký với UBCKNN, Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.



CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thông qua việc lựa chọn 01 (một) công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán được đề xuất để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.
2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - 2.1 Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
 - 2.2 Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - 2.3 Nằm trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
 - 2.4 Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
3. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Công ty Kiểm toán bị thu hồi giấy phép;
 - 3.2 Công ty Kiểm toán bị phá sản hay giải thể.

Điều 50. Năm Tài chính

1. Năm Tài chính là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 (chín mươi) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính sẽ được soát xét bán niên/kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán được lựa chọn. Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/ kiểm toán hàng năm đã được soát xét/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của pháp luật sẽ được trình bày tại Đại hội Nhà Đầu tư và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà Đầu tư có thể tham khảo.

Điều 53. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trên cơ sở tổng giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong đó, tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
 - 2.1 Trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng bị định giá sai, trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng;
 - 2.2 Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản Ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.
 - 2.3 Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10 (mười) tỷ đồng trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, Công ty Quản lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.
3. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định vào Ngày Định giá. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị Tài sản Ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
5. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 55. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Ngày Định giá
Ngày Định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.
2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ :
 - 2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày trước Ngày Định giá.
 - a. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản. Trong trường hợp không xác định được giá thị trường tại Ngày Giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Điều lệ Quỹ này, sổ tay định giá của Quỹ sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản;
 - b. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
 - 2.2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các quy định được áp dụng.
 - 2.3. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán chấp thuận bằng văn bản, quy định tại sổ tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan, đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua bằng văn bản.
3. Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng (bao gồm tổng nợ và tổng tài sản) của quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, đảm bảo Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 56. Quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 55 Điều lệ này và theo quy trình được quy định tại Bản cáo bạch và phù hợp với các quy định của UBCKNN.
2. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.
3. Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ. Việc xác nhận phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi định giá sai Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

- 2.1. Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã bán; Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- 2.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành; Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
 - 3.1. Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai; Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
 - 3.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
3. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG XII

THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi;
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 60. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ và đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - 2.1 Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - 2.2 Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua;
 - 2.3 Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
3. Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét
4. Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - 5.1 Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);
 - 5.2 Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - 5.3 Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - 5.4 Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - 5.5 Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.

CHƯƠNG XIII

GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 61. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả

1. Giá Dịch vụ Phát hành

- 1.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi mua một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỉ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ.
- 1.2 Giá Dịch vụ Phát hành không vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định.
- 1.3 Giá Dịch vụ Phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối và sẽ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ.
- 1.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Phát hành trong một khoảng thời gian cố định, Công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 1.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Giá Dịch vụ Mua lại

- 2.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà Đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- 2.2 Giá Dịch vụ Mua lại không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định.
- 2.3 Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).
- 2.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Mua lại trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 2.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Giá Dịch vụ Chuyển đổi

- 3.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi Nhà Đầu tư đổi từ Chứng chỉ Quỹ này sang Chứng chỉ Quỹ khác do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại cùng một Đại lý Chuyển nhượng.
- 3.2 Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính trên giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi.
- 3.3 Giá Dịch vụ Chuyển đổi không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định.
- 3.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Chuyển đổi trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo

Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

- 3.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Giá Dịch vụ Chuyển nhượng (phi thương mại)

- 4.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi tiến hành chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế v.v...).
- 4.2 Giá Dịch vụ Chuyển nhượng được tính theo từng lần phát sinh giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển nhượng phi thương mại. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định.
- 4.3 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Chuyển nhượng trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 4.4 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 62. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ

- 1.1 Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm NAV của Quỹ.
- 1.2 Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ tối đa là 1,75% NAV/năm. Việc điều chỉnh Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ và giá các dịch vụ khác mà Quỹ chỉ trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Trường hợp điều chỉnh tăng Giá Dịch vụ Quản lý quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Trường hợp điều chỉnh giảm Giá Dịch vụ Quản lý quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ xác định và phải được Ban Đại diện quỹ thông qua. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ngân hàng Giám sát và trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.
- 1.3 Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- 1.4 Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

$\text{Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm)} * \text{NAV tại ngày trước Ngày Định giá} * \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$

2. Giá Dịch vụ Lưu ký và Giám sát

- 2.1. Giá Dịch vụ Giám sát, Lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ Ngân hàng Giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ thực hiện trong tháng.
- 2.2. Giá Dịch vụ Giám sát: 0,02% (không phải không hai phần trăm) NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (Tối thiểu: 5.000.000 đồng/tháng).

- 2.3. Giá Dịch vụ Lưu ký: 0,04% (không phải không bốn phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có); Mức giá này chưa bao gồm Phí giao dịch chứng khoán v.v...
- 2.4. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu v.v....
- 2.5. Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật (nếu có);
- 2.6. Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho mỗi kỳ định giá như sau:
- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) * NAV tại ngày trước Ngày Định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)*
- 2.7. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát và phương pháp thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. **Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ:**

- 3.1 Là giá dịch vụ mà Quỹ trả cho tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá trị dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- 3.2 Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ: 0,03% (không phải không ba phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 12.000.000 đồng/tháng) chưa bao gồm thuế GTGT;
- 3.3 Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho mỗi kỳ định giá như sau:
- Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá Dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) * NAV tại ngày trước Ngày Định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)*
- 3.4 Mức giá Dịch vụ Quản trị Quỹ và phương pháp thanh toán giá Dịch vụ Quản trị Quỹ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. **Giá dịch vụ liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản quỹ:**

- 4.1 Giá dịch vụ giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký:
- a) Giá dịch vụ giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết/ đăng ký giao dịch: 0,03% (không phải không ba phần trăm) tổng giá trị giao dịch (Min 100.000 đồng/ngày giao dịch; Max 10.000.000 đồng/ngày giao dịch).
 - b) Giá dịch vụ giao dịch trái phiếu niêm yết: 0,01% (không phải không một phần trăm) tổng giá trị giao dịch (Min 100.000 đồng/ngày giao dịch; Max 10.000.000 đồng/ngày giao dịch).
 - c) Giá dịch vụ, phí giao dịch khác trả cho Ngân hàng lưu ký sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ.
- 4.2 Giá dịch vụ, phí giao dịch khác:
- a) Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ khác;
 - b) Chi phí này được thanh toán theo thực tế phát sinh.

5. **Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng**

- 5.1. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo

bạch tóm tắt, hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định; Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng trả hàng tháng là tổng giá trị dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- 5.2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng: 12.000.000 VNĐ/tháng chưa gồm thuế GTGT (nếu có), áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần. Mức giá này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch (nếu phát sinh).
- 5.3. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Đại lý Chuyển nhượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- 5.4. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được trích lập tại hàng kỳ định giá của Quỹ.

Điều 63. Các chi phí hoạt động khác của Quỹ

Là các chi phí khác do Quỹ chi trả, bao gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ (không bao gồm chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối tự chi trả);
4. Chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ;
5. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;
6. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ này theo sự phê chuẩn của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành;
8. Chi phí thủ tục hành chính nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép Quỹ, điều chỉnh giấy phép Quỹ v.v...);
9. Chi phí cho Ban Đại diện Quỹ:
 - 9.1. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ với điều kiện tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.
 - 9.2. Chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ này phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ;
10. Chi phí về bảo hiểm (nếu có);
11. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
12. Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ;
13. Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 64. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 65. Các điều kiện tách Quỹ

1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận trong các trường hợp sau:
 - 1.1 Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ mở vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 1.2 Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 66. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Công ty Quản lý Quỹ bị phá sản, giải thể hoặc bị UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà không xác lập được công ty quản lý quỹ khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - 1.2. Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được công ty quản lý quỹ khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - 1.3. Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản. Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được ngân hàng giám sát khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - 1.4. Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được ngân hàng giám sát khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;
 - 1.5. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng trong liên tục sáu 06 (sáu) tháng;
 - 1.6. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - 1.1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - 1.2. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ (bưu điện hoặc email) do thành viên Ban Đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.
5. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc Công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ lục.
2. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ thì mới có giá trị.
3. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 3.1. 02 (hai) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo Luật định;
 - 3.2. 03 (ba) bản lưu tại Công ty Quản lý Quỹ;
 - 3.3. 01 (một) bản lưu tại Ngân hàng Giám sát.
4. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ là các Phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ;

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT;

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.

PHỤ LỤC 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 48/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/9/2025
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0103401797 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 12 ngày 14/10/2025 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội

Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ LPLF:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - 5.1. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - 5.1. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 5.1. Bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ;
 - 5.4. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ này (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những Người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồ Nga

// C / T / N / Q / P

PHỤ LỤC 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Ngân hàng Giám sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ này.
7. Đảm bảo bằng những nỗ lực tốt nhất giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

PHỤ LỤC 3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 48/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/9/2025
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0103401797 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 12 ngày 14/10/2025 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội Nhà Đầu tư của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồ Nga

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trọng Thành